

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH SƠN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH SON IMPORT AND EXPORT TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108941732

3. Ngày thành lập: 11/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 110A ngõ 82 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701(Chính)
2.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

3.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết : - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo. - Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nền và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dẹt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dẹt; - Sản xuất nhãn hiệu; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải; - Sản xuất vàng mã các loại.	1709
4.	In ấn	1811
5.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
6.	Sao chép bản ghi các loại	1820
7.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
8.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
9.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
10.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
11.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
12.	Sản xuất đồng hồ	2652
13.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
14.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
15.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
16.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
17.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
18.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
19.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732

20.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
21.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
22.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
23.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết : Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.	2790
24.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
25.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
26.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
27.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
28.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
29.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
30.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
31.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

32.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết : - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như: cân hành lý, cân khác... - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; - Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hoả, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi... - Sản xuất máy đóng gói như: Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn... - Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống; - Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống... - Sản xuất máy chuyển nhiệt; - Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas; - Sản xuất máy cung cấp gas; - Sản xuất máy cán láng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thủy tinh); - Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo); - Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó; - Sản xuất máy bán hàng tự động; - Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung; - Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái); - Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); - Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.	2819
33.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
34.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
35.	Sản xuất máy luyện kim	2823
36.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
37.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
38.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
39.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
	Chi tiết : Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	
40.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
41.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
42.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
43.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

44.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
45.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết : - Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; - Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; - Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; - Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hóa, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự; - Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự; - Phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự.	3319
46.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
47.	Xây dựng nhà để ở	4101
48.	Xây dựng nhà không để ở	4102
49.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
50.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
51.	Xây dựng công trình điện	4221
52.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
53.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
54.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết : - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229
55.	Xây dựng công trình thủy	4291
56.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
57.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất	4299
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết : - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết : - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa s- Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
66.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
68.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
69.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
71.	Bán mô tô, xe máy	4541
72.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết : Đại lý	4610
75.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
76.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
77.	Bán buôn thực phẩm	4632
78.	Bán buôn đồ uống	4633
79.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
80.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

81.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết : - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
82.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
83.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
84.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
85.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
86.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
87.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4662
88.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

89.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
90.	Bán buôn tổng hợp	4690
91.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
92.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
93.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
94.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
95.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
96.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
97.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
98.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
99.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
100.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
101.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
102.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
103.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
104.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
105.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
106.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
107.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4764
108.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

109.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
110.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm Bán lẻ súng đạn; bán lẻ tem, tiền kim khí)	4773
111.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774
112.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
113.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
114.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
115.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
116.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
117.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm Bán lẻ súng đạn; bán lẻ tem, tiền kim khí)	4789
118.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
119.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
120.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
121.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
122.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
123.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
124.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết : Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách	4929
125.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
126.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết : - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
127.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
128.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
129.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
130.	Quảng cáo	7310

131.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
132.	Cho thuê xe có động cơ	7710
133.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
134.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
135.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	8299

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH TOÀN	19 ngách 158/2 Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	010168330	
2	PHẠM VĂN TOÁN	1 ngách 31 ngõ 167 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	034083012730	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/06/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010168330

Ngày cấp: 02/07/2012 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 19 ngách 158/2 Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 19 ngách 158/2 Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội